

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 231/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 3 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Lang
- Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thu Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1544/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn là bà B, sinh năm 1992; địa chỉ: 71/1/1 đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt);

2. Bị đơn là ông Nguyễn Gia Bình, sinh năm 1984; địa chỉ: 304/66/3D đường Bùi Đình Túy, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2024, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 13 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu: bà và ông A kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12 quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có một con chung tên: C, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2019.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, đôi bên không hiểu nhau. Bà đã cố gắng chịu đựng vì con nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm thương yêu của bà đối với ông Akhông còn, nên bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Gia Bình.

Về con: Trong thời kỳ hôn nhân, giữa bà và ông A có một con chung tên: C, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2019 bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, vì trẻ còn nhỏ và là trẻ gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi từ người mẹ, bản thân bà có thu nhập tốt và thời gian để chăm sóc và vui chơi cùng con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông A trình bày: Quá trình chung sống giữa ông và bà B không phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù còn yêu thương bà B, nhưng với yêu cầu ly hôn của bà B ông đồng ý.

Về con: Trẻ C là con chung duy nhất giữa ông và bà B, ông không đồng ý giao con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, vì con ở với ông sẽ có điều kiện sống tốt hơn, gần trường học và có chỗ ở ổn định. Nếu Tòa án giao con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu. Về phía ông A đồng ý giao con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến nay không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B; về con chung: bà B là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ C, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2019; về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận yêu cầu của bà B về việc yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 (tám triệu) đồng; về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về yêu cầu của đương sự:*

[2.1] Hôn nhân giữa bà B và ông A là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 97, ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Bà B yêu cầu được ly hôn, phía ông A đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà B và ông A không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho bà B được ly hôn ông A theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[2.3] Về con: Bà B và ông A chung sống có một con chung tên C, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2019. Bà B có nguyện vọng được nuôi con, ông A đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, giao trẻ C cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Lời khai của bà B thể hiện trẻ C đang học mẫu giáo với tiền học là 2.755.000 đồng/tháng, học tiếng Anh là 2.496.000 đồng/tháng, học vẽ là 983.333 đồng/tháng, chi phí ăn uống trung bình 6.000.000 đồng/tháng, mua quần áo, giày dép, đồ dùng cần thiết trung bình 700.000 đồng/tháng, chi phí vui chơi là 1.500.000 đồng/tháng, chi phí khám, chữa bệnh 500.000 đồng/tháng, trung bình hàng tháng tổng cộng là 15.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 8.000.000 (tám triệu) đồng. Ông A chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người làm cha, mẹ theo quy định tại các điều 82, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thể hiện: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Tại xác nhận của Công ty trách nhiệm hữu hạn Roche Việt Nam nơi ông A làm việc, thể hiện thu nhập của ông A thực lãnh mỗi tháng là 41.148.735 đồng, vì vậy bà B yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng là 8.000.000 đồng chiếm chưa đến một phần ba thu nhập của ông Nguyễn Gia Bình, nên có sở chấp nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[2.6] Về nợ chung: Đôi bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; ông A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B. Bà B được ly hôn với ông A.

2. Về con: Bà B là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ C, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2019. Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 8.000.000 (tám triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản có hiệu lực pháp luật cho đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bà B có đơn yêu cầu thi hành án, ông A chưa thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về nợ chung: Đôi bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028832 ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm;

Ông A phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. *Quyền kháng cáo*: Bà B, ông A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Linh Phượng

